

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST.

Ngày: 12/01/2021

V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST- DS ngày 03/09/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST- DS ngày 21/09/2020; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 06/10/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST- DS ngày 18/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 88, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Phan Thị H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã HA, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã HA, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:

Từ ngày 08 tháng 12 năm 2018 đến ngày 18 tháng 12 năm 2018 bà Lê Thị K có cho vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V vay tiền nhiều lần tổng cộng 1.420.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm hai mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

Ngày 08/12/2018 vợ chồng bà H, ông V vay 1.175.000.000đ (Một tỷ, một trăm bảy mươi lăm triệu đồng); Ngày 11/12/2018 bà H vay thêm 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và có giao cho bà K giữ lại Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu bản gốc mang tên chồng bà H là ông Nguyễn Văn V; Ngày 18/12/2018 bà H tiếp tục vay thêm 2 lần tổng cộng 210.000.000đ.

Hiện nay bà H đã trả cho bà K được 20.000.000 đồng và bà K đã trả lại cho bà H Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu bản gốc mang tên chồng bà H là ông Nguyễn Văn V. Số tiền nợ còn lại là 1.400.000.000 đồng.

Về phương thức trả nợ: Hai bên thỏa thuận vợ chồng bà H, ông V tiến hành chuyển nhượng cho bà K 6 thửa đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 181792, thửa đất số 07, tờ bản đồ độc lập, diện tích 2.945m² do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/05/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 181793, thửa đất số 06, tờ bản đồ độc lập, diện tích 1.975m² do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/05/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 181794, thửa đất số 05, tờ bản đồ độc lập, diện tích 2.835m², do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/05/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 181795, thửa đất số 04, tờ bản đồ độc lập, diện tích 2.825m², do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/05/2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 052068, thửa đất số 02, tờ bản đồ độc lập, diện tích 32.545m², do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/04/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V401229, thửa đất số 232b, tờ bản đồ số 20, diện tích 188m² do Ủy ban nhân dân huyện K1, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/08/2003. Sau khi hoàn tất thủ tục sang

nhượng đất cho bà K thì bà H liên hệ với ngân hàng để bà K tiến hành thủ tục thế chấp các tài sản nói trên để vay vốn ngân hàng, số tiền vay được sẽ dùng để trả vào khoản nợ bà H, ông V đã vay của bà K. Về lãi suất thỏa thuận miệng theo lãi suất cho vay của ngân hàng.

Đến ngày 19/12/2018 vợ chồng bà H, ông V đã hoàn tất thủ tục chuyển các quyền sử dụng đất nói trên sang tên bà K. Nhưng sau đó bà H, ông V lại không hợp tác với bà K trong việc liên hệ với Ngân hàng để vay tiền trả nợ cho bà K. Mặc dù bà K đã trực tiếp gặp vợ chồng bà H để yêu cầu trả nợ, đồng thời yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giải quyết nhưng vợ chồng bà H vẫn không chịu trả nợ.

Vì vậy, bà K yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát tính từ ngày vay đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm.

Đối với việc thỏa thuận bà đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà H, ông V như trong giấy cam đoan lập ngày 08/12/2018 thì bà và vợ chồng bà H tự giải quyết với nhau, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đến nội dung này.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Krông Pắc đã triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phan Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V đã vi phạm quy

định tại các Điều 70, 72, 73 và điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K. Buộc bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị K số tiền 1.175.000.000đ (Một tỷ, một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm và buộc riêng bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị K 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị K về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả cho bà số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh.

Đối với việc các bên thỏa thuận bà K đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà H, ông V như trong giấy cam đoan lập ngày 08/12/2018, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đến nội dung này nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị K làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Phan Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã HA, huyện K. Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ khởi kiện đề ngày 09/12/2019, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V trả số tiền vay gốc 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định. Vì

vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V trả số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 08 tháng 12 năm 2018 vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V có vay của bà Lê Thị K số tiền 1.175.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), hai bên có thiết lập giấy cam đoan đồng thời thỏa thuận vợ chồng bà H thực hiện thủ tục chuyển nhượng các quyền sử dụng đất của mình cho bà K đứng tên để bà K dùng tài sản đó thế chấp vay tiền của Ngân hàng, số tiền bà K vay được của ngân hàng sẽ dùng vào việc trả nợ cho bà K.

Sau đó một mình bà Phan Thị H tiếp tục vay của bà K nhiều lần tổng cộng 245.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 11/12/2018 bà H vay thêm của bà số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và có giao cho bà K giữ lại Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu bản gốc mang tên chồng bà H là ông Nguyễn Văn V; và ngày 18/12/2018 vay tiếp 210.000.000 đồng, sau đó bà H đã trả cho bà K 20.000.000 đồng đồng thời bà K đã trả Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu bản gốc mang tên chồng bà H là ông Nguyễn Văn V cho bà H. Sau khi vay thêm các số tiền nói trên bà H đã trực tiếp viết giấy mượn thêm tiền và thừa nhận bà H có mượn của bà K tổng số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V không lên Tòa án làm việc. Để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ kí của bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn V. Căn cứ vào kết luận giám định số 40/PC09 ngày 05/6/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Thị H trong giấy mượn thêm tiền lập ngày 18/12/2018 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Thị H dưới mục “người nhận” trong biên bản giao đề ngày 19/12/2019 và biên bản giao đề ngày 11/02/2020 là do cùng một người ký và viết ra. Tại kết luận giám định số 169/PC09 ngày 03/11/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Thị H trong giấy cam đoan lập ngày 8/12/2018 dưới mục “người cam đoan” so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Thị H dưới mục “người nhận”

trong biên bản giao đề ngày 19/12/2019 và biên bản giao đề ngày 11/02/2020 là do cùng một người ký và viết ra và chữ kí, chữ viết mang tên Nguyễn Văn V trong giấy cam đoan lập ngày 8/12/2018 dưới mục “người cam đoan” so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn V dưới mục người khai trong Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 26/06/2019 và dưới mục người nhận trong biên bản giao biên bản hòa giải thành đề ngày 03/07/2019 là do cùng một người ký và viết ra. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng đồng thời ra yêu cầu vợ chồng bà H, ông V cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vợ chồng bà H, ông V không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Xét thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Việc vợ chồng bà H, ông V không phối hợp trong việc vay ngân hàng để trả nợ mặc dù bà K đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng vợ chồng bà H vẫn không chịu trả nợ. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng bà H, ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Vì vậy, bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông V trả 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) là có căn cứ.

Về nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị K yêu cầu Tòa án xem xét buộc cả hai vợ chồng bà H, ông V cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên. Hội đồng xét xử nhận định: Trong tổng số 1.400.000.000đ tiền vay gốc mà nguyên đơn khởi kiện gồm có 1.175.000.000đ do hai vợ chồng bà H và ông V cùng đứng ra vay của bà K, được thể hiện tại giấy cam đoan lập ngày 08/12/2018 và Kết luận giám định số 169/PC09 ngày 03/11/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy buộc vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị K số tiền 1.175.000.000đ (Một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh.

Đối với số tiền còn lại là 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) bà K thừa nhận ông Vi chồng bà H không tham gia mà chỉ có một mình bà H đứng ra vay của bà K, bà H sử dụng vào mục đích gì bà K không biết, nên không có căn cứ để buộc ông Vi có nghĩa vụ liên đới trả nợ mà chỉ buộc một mình bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà K là có căn cứ.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị K yêu cầu số tiền lãi là 235.000.000đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án bà K đã thay đổi yêu cầu về lãi suất và yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày vay đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, trong giấy cam đoan lập ngày 08/12/2018 và trong giấy mượn thêm tiền ngày 18/12/2018 các bên không xác định rõ lãi suất mà chỉ thỏa thuận tiền lãi tính theo lãi suất khi vay của Ngân hàng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức 10%/ năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử là phù hợp, lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay gốc là 1.175.000.000 đồng, vay ngày 08/12/2018 đến ngày 12/01/2021 là 767 ngày $\times$ 1.175.000.000đ $\times$ 10% : 365 ngày = 246.910.000đ.

- Đối với khoản vay 225.000.000 đồng vay ngày 18/12/2018 đến ngày 12/01/2021 là 757 ngày $\times$ 225.000.000đ $\times$ 10% : 365 ngày = 46.664.000 đồng.

Như vậy buộc vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị K tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 1.693.574.000đ (Một tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng). Trong đó bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả cho bà K 271.664.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng); Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị K 1.421.910.000đ (Một tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

[3] Đối với việc vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn V thỏa thuận làm thủ tục chuyển nhượng sáu thửa đất của vợ chồng bà H, ông V cho bà Lê Thị K đứng tên mục đích để bà K thế chấp vay ngân hàng, số tiền vay được sẽ dùng vào việc trả nợ cho bà K. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị K thừa nhận hiện nay bà có đứng tên sáu thửa đất của vợ chồng bà H như trong nội dung giấy cam đoan lập ngày 8/12/2018. Tuy nhiên sau khi đứng tên các thửa đất nói trên thì vợ chồng bà H không phối hợp trong việc tìm ngân hàng để thế chấp tài sản để vay như đã thỏa thuận nên hiện nay bà K đang là người đứng tên và quản lý sáu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà H. Trong quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý và quyết định yêu cầu vợ chồng bà H, ông V cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vợ chồng bà H, ông V không đến Tòa án để giải quyết, không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và không có yêu cầu phản tố, đồng thời nguyên đơn bà Lê Thị K không yêu cầu giải quyết đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên nên HĐXX không đề cập giải quyết mà cần tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí giám định: Do bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn V không đến Tòa án để giải quyết nên bà Lê Thị K yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của vợ chồng bà H, ông V và đã nộp số tiền lệ phí giám định 2 đợt là: 11.680.000 đồng và Tòa án đã chi phí hết. Tại kết quả giám định số 40/PC09 ngày 05/6/2020 và kết luận giám định số 169/PC09 ngày 03/11/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Đắk Lắk đã chứng minh yêu cầu giám định của bà K là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, buộc vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn V trả lại cho bà Lê Thị K số tiền 11.680.000 đồng tiền chi phí giám định là có căn cứ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V phải chịu 54.657.000đ (Năm mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức (800.000.000đ phải chịu án phí 36.000.000đ + 18.657.000đ (3% của số tiền 621.910.000đ)) = 54.657.000đ và buộc bà Phan Thị H phải chịu 13.583.000đ (Mười ba triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức 271.664.000đ X 5% = 13.583.000đ.

Bà Lê Thị K được nhận lại 30.525.000đ (Ba mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0003998, ngày 16 tháng 12 năm 2019.

[6] Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K.

Buộc vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị K 1.421.910.000đ (Một tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

Buộc bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị K 271.664.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày 13/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bác một phần yêu cầu của bà Lê Thị K về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả nợ đối với số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh.

Về chi phí giám định: Buộc vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn V trả lại cho bà K số tiền 11.680.000đ (Mười một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Về án phí: Buộc vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn V phải chịu 54.657.000đ (Năm mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí tiền án phí dân sự sơ thẩm và buộc Bà Phan Thị H phải chịu 13.583.000đ (Mười ba triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị K được nhận lại 30.525.000đ (Ba mươi triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0003998, ngày 16 tháng 12 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Phan Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục T.H.A DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long